TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Bà Hoàng Vạn Sinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23-12-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ: Số 105 Văn Tiến D, tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc Tr (tên gọi khác Trần Văn Tr), sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 105 Văn Tiến D, tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 - 8-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày có nội dung:

Bà C và ông Trần Ngọc Tr là vợ chồng, ông Trần Ngọc Tr còn có tên gọi khác là Trần Văn Tr (do tại giấy khai sinh có tên là Trần Văn Tr nhưng tại chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu có tên là Trần Ngọc Tr). Vợ chồng chung sống với nhau từ

năm 2002 nhưng đến ngày 20/8/2007 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Đ, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến tháng 5 năm 2002 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 1/2008 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do ông Tr thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, còn thường xuyên chửi bới, xúc phạm, ghen tuông, đánh đập bà C một cách vô cớ, đặc biệt là mỗi lần uống rượu say về. Trước đây, ông Tr đã đánh đập khiến bà C phải nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa thị xã B và Bệnh viện T. Do vợ chồng chung sống không hợp, không cùng chung quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn chỉ vì những lý do, nguyên cớ nhỏ nhặt. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr)

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Trần Ngọc Tiểu U, sinh ngày 17/12/2002 và Trần Ngọc Tiểu V, sinh ngày 25/5/2011, bà C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Ngọc Tiểu Vy cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Riêng cháu Trần Ngọc Tiểu U tính đến nay đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn Tr (Trần Ngọc Tr) mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 29-9-2020 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 08-10-2020 Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, cùng ngày nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr) là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ngày 20-8-2007 có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã Ea Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk). Trong quá trình chung sống bà C xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có những quan điểm bất đồng, do ông Tr thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên chửi bới, xúc phạm, ghen tuông, đánh đập bà C một cách vô cớ. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr) đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Nguyễn Thị Bích C ly hôn ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr) là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Bích C và ông Trần Văn Tr (Trần Ngọc Tr) có 02 con chung tên Trần Ngọc Tiểu U, sinh ngày 17/12/2002 và Trần Ngọc Tiểu V, sinh ngày 25/5/2011.

Quá trình giải quyết vụ án bà C có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Ngọc Tiểu V, đồng thời cháu V cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Do đó HĐXX nhận thấy giao cho bà C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Ngọc Tiểu V đến tuổi thành niên là phù hợp; đối với cháu Trần Ngọc Tiểu U, bà C có nguyện vọng giao cho ông Tr nuôi dưỡng, nhưng tính đến thời điểm xét xử cháu U đã đủ tuổi thành niên, nên bà C đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về chia tài sản chung và công nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C;

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Bích C được ly hôn với ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr).

2. **Về con chung:**

Giao con chung là Trần Ngọc Tiểu V, sinh ngày 25/5/2011 cho bà Nguyễn Thị Bích C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên;

Đối với con chung là Trần Ngọc Tiểu U, sinh ngày 17/12/2002 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm đã đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và bà C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Trần Văn Tr (Trần Ngọc Tr) có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà Nguyễn Thị Bích C không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. **Về tài sản chung và công nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Bích C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. **Về án phí:** Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0015558 ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Bị đơn ông Trần Ngọc Tr (Trần Văn Tr) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đạt Hiếu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Kim Chung